

Họ và tên: .....Lớp 10/...

Số báo danh: .....

**PHẦN A: TRẮC NGHIỆM (7Đ)**

**I. TRẮC NGHIỆM NHIỀU LỰA CHỌN (3.0đ).** Em hãy khoanh tròn vào đáp án đúng nhất.

**Câu 1.** Các hoạt động bán buôn bán lẻ, du lịch, các dịch vụ cá nhân như y tế, giáo dục, thể dục thể thao thuộc về nhóm ngành

- A. dịch vụ công. B. dịch vụ kinh doanh.  
C. dịch vụ tiêu dùng. D. dịch vụ cá nhân.

**Câu 2.** Ngành nông nghiệp, lâm, thủy sản có vai trò

- A. cung cấp tư liệu sản xuất cho các ngành kinh tế  
B. cung cấp thiết bị, máy móc cho con người  
C. vận chuyển người và hàng hóa.  
D. cung cấp lương thực, thực phẩm cho con người

**Câu 3.** Vai trò của công nghiệp đối với đời sống người dân là

- A. khai thác hiệu quả các tài nguyên. B. tạo việc làm mới, tăng thu nhập.  
C. làm thay đổi phân công lao động. D. thúc đẩy nhiều ngành phát triển.

**Câu 4.** Đặc điểm sinh thái của cây ngô là

- A. nóng, đất ẩm, nhiều mùn, dễ thoát nước. B. nóng, ẩm, chân ruộng ngập nước, phù sa.  
C. nóng, thích nghi với sự dao động khí hậu. D. ẩm, khô, đất đai màu mỡ, nhiều phân bón.

**Câu 5.** Ưu điểm của ngành vận tải đường ô tô là

- A. vận tải được hàng nặng trên đường xa với tốc độ nhanh, ổn định, giá rẻ.  
B. rẻ, tốc độ cao, đóng vai trò đặc biệt trong vận tải hành khách quốc tế.  
C. tiện lợi, cơ động và có khả năng thích nghi với các điều kiện địa hình.  
D. rẻ, thích hợp với hàng nặng, cồng kềnh; không yêu cầu chuyển nhanh.

**Câu 6.** Phần lớn thức ăn của ngành chăn nuôi đều lấy từ nguồn nào sau đây?

- A. Thủy sản. B. Trồng trọt. C. Công nghiệp. D. Tự nhiên.

**Câu 7.** Công nghiệp điện tử - tin học là ngành cần

- A. nhiều kim loại, điện. B. tài nguyên thiên nhiên.  
C. nhiều điện tích rộng. D. lao động trình độ cao.

**Câu 8.** Không có mối liên hệ giữa các xí nghiệp là đặc điểm của

- A. trung tâm công nghiệp. B. điểm công nghiệp.  
C. khu công nghiệp. D. vùng công nghiệp.

**Câu 9.** Công nghiệp điện ngày càng phát triển do nguyên nhân chủ yếu nào sau đây?

- A. Nhiều tiềm năng để phát triển, vốn đầu tư lớn, nhu cầu ngành kinh tế.  
B. Được sử dụng rộng rãi trong sinh hoạt, vốn đầu tư ngành điện lực lớn.  
C. Nguồn vốn lớn, chất lượng cuộc sống được nâng cao, nhiều sông, suối.  
D. Sự phát triển kinh tế, mức sống được nâng cao, có tiềm năng phát triển.

**Câu 10.** Ở các vùng hoang mạc, loại hình đi lại nào sau đây **không** được thuận tiện?

- A. Ô tô. B. Tàu hỏa. C. Máy bay. D. Lạc đà.

**Câu 11.** Đặc điểm của ngành dịch vụ là

- A. sự tiêu dùng xảy ra trước sản xuất. B. hầu hết các sản phẩm đều hữu hình.  
C. sản phẩm phần lớn là phi vật chất. D. nhiều loại sản phẩm lưu giữ được.

**Câu 12.** Lúa gạo phân bố tập trung ở miền

- A. cận nhiệt. B. ôn đới. C. nhiệt đới. D. hàn đới.

**PHẦN II. TRẮC NGHIỆM ĐÚNG/SAI (2.0đ).** Trong mỗi ý a, b, c, d, ở mỗi câu học sinh chọn đúng hoặc sai.

**Câu 1.** Cho bảng số liệu:

**CHIỀU DÀI ĐƯỜNG Ô TÔ VÀ ĐƯỜNG SẮT CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA  
TRÊN THẾ GIỚI NĂM 2019 (Đơn vị: Nghìn km)**

Quốc gia	Hoa Kỳ	Trung Quốc	Ấn Độ	Liên bang Nga
Đường ô tô	6586,6	4860,6	4699,0	1283,4
Đường sắt	239,2	131,0	68,5	87,2

(Nguồn: Ngân hàng thế giới, năm 2021)

- a) Hoa Kỳ có chiều dài đường ô tô ít hơn Trung Quốc và nhiều hơn Ấn Độ.  
b) Liên Bang Nga có chiều dài đường sắt ít hơn Trung Quốc và nhiều hơn Ấn Độ.  
c) Hoa Kỳ có chiều dài đường sắt lớn nhất do kinh tế phát triển mạnh, nhất là công nghiệp.  
d) Biểu đồ thích hợp nhất thể hiện chiều dài đường ô tô và đường sắt của một số quốc gia trên thế giới năm 2019 là biểu đồ tròn.

**Câu 2.** Cho thông tin sau:

Dầu khí có khả năng sinh nhiệt cao (cao hơn than), dễ vận chuyển và sử dụng; nhiên liệu cháy hoàn toàn và không tạo thành tro. Vì vậy, dầu khí chiếm vị trí hàng đầu trong các loại nhiên liệu. Sau khi chế biến, dầu khí tạo ra nhiều sản phẩm như: xăng, dầu hỏa, dầu ma-dut,...

- a) Dầu khí có khả năng sinh nhiệt thấp hơn than.  
b) Dầu khí là nhiên liệu không được đốt cháy hoàn toàn.  
c) Sản phẩm chế biến từ dầu khí là xăng, dầu hỏa, dầu điezen, khí hoá lỏng...  
d) Dầu khí có nguồn gốc từ sinh vật nên được xếp là tài nguyên năng lượng tái tạo.

**PHẦN III (2,0đ) CÂU TRẮC NGHIỆM TRẢ LỜI NGẮN.** Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4

**Câu 1.** Cho bảng số liệu:

**KHỐI LƯỢNG VẬN CHUYỂN VÀ LUÂN CHUYỂN HÀNG HÓA TRUNG BÌNH  
CỦA ĐƯỜNG BIỂN Ở VIỆT NAM NĂM 2020**

Phương tiện vận tải	Khối lượng vận chuyển (triệu tấn)	Khối lượng luân chuyển (triệu tấn.km)
Đường biển	69,6	152 277,2

(Nguồn: <https://www.gso.gov.vn/>)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, tính cự li vận chuyển trung bình của đường biển nước ta năm 2020 (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của km)

**Câu 2.** Sản lượng điện của Đông Nam Bộ năm 2015 và năm 2021 lần lượt là 57,8 tỉ kWh và 77,1 tỉ kWh. Hãy cho biết sản lượng điện của Đông Nam Bộ năm 2021 so với năm 2015 tăng thêm bao nhiêu tỉ kWh? (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân)

**Câu 3.** Biết trữ lượng dầu mỏ toàn thế giới là 244,5 tỉ tấn, trữ lượng dầu mỏ của châu Mỹ là 87,2 tỉ tấn. Tính tỉ trọng trữ lượng dầu mỏ của châu Mỹ so với toàn thế giới. (làm tròn kết quả đến số thập phân thứ nhất của %)

**Câu 4.** Cho bảng số liệu: **SỐ LƯỢT KHÁCH DU LỊCH QUỐC TẾ VÀ DOANH THU DU LỊCH QUỐC TẾ THẾ GIỚI, GIAI ĐOẠN 1990 - 2020**

<div>Năm</div> <div>Sản phẩm</div>	1990	2000	2010	2019	2020
Khách du lịch (triệu lượt người)	438	673	809	1 466	402
Doanh thu du lịch (triệu USD)	271 000	496 000	977 000	1 466 000	533 000

Căn cứ vào bảng số liệu trên, cho biết chỉ tiêu bình quân của khách du lịch quốc tế thế giới năm 2020 tăng thêm bao nhiêu USD so với năm 2000 (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của USD).

**B. PHẦN TỰ LUẬN (3,0Đ)**

**Câu 1 (2,0đ).** Cho bảng số liệu: **SẢN LƯỢNG DẦU MỎ CỦA THẾ GIỚI, GIAI ĐOẠN 2000 – 2019**

Năm	2000	2010	2015	2019
Dầu mỏ (triệu tấn)	3 605,5	3 983,4	4 362,9	4 484,5

a.(1,5đ) Vẽ biểu đồ thích hợp thể hiện sản lượng dầu mỏ của thế giới, giai đoạn 2000 – 2019

b.(0,5đ) Nhận xét sự thay đổi sản lượng dầu mỏ của thế giới, giai đoạn 2000 – 2019

**Câu 2 (1,0đ).** Vì sao vùng Đồng bằng sông Cửu Long nước ta lại phát triển mạnh ngành vận tải đường sông?

----- HẾT -----